TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 4 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Xuân M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Lô D, đường số 7, ấp Y, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Triệu Minh B, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Bùi Xuân M, thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị M và anh Triệu Minh B chung sống với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và anh B có hành vi bạo lực, không quan tâm đến gia đình. Từ nguyên nhân trên, chị M xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, gồm: Triệu Gia M1, sinh ngày 30/4/2010 và Triệu Gia M2, sinh ngày 27/6/2016 do chị M đang nuôi dưỡng. Khi nộp đơn khởi kiện chị M yêu

cầu được nuôi Gia M1 và Gia M2, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 23/3/2023 chị M không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Không có.

* *Đối với anh Triệu Minh B:* Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng anh B không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Xuân M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Triệu Minh B đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định.

[2] Chị M và anh B tự nguyện chung sống vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Theo chị M, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và anh B có hành vi bạo lực, không quan tâm đến gia đìn; từ nguyên nhân trên, chị M xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Anh B không có ý kiến gì quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Xét yêu cầu của chị M, thấy rằng: Hôn nhân của chị M và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, chị M yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh B đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh B không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị M ly hôn với anh B là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin nuôi con sau khi ly hôn của chị M, phù hợp với nguyện vọng của Triệu Gia M1; trong khi đó, anh B không có ý kiến gì về việc yêu cầu của chị M về việc tiếp tục nuôi Gia M1 và Triệu Gia M2. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Gia M1 và Gia M2 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị M xác định không có, anh B không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Xuân M.

- Về hôn nhân: Cho chị M được ly hôn với anh Triệu Minh B.

- Về con chung: Giao Triệu Gia M1, sinh ngày 30/4/2010 và Triệu Gia M2, sinh ngày 27/6/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013737 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị M đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn